

SỞ GD&ĐT TỈNH QUẢNG NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG THPT ÂU CƠ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150/BC-THPTAC

Đông Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN 3 CÔNG KHAI NĂM HỌC 2023 - 2024

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”;

Trường THPT Âu Cơ báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị trong năm học 2023-2024, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUI CHẾ CÔNG KHAI
NĂM HỌC 2023 -2024

I. DẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát năm học 2023-2024:
 - Tổng CBGVNV: 41
 - Cán bộ quản lý : 3
 - Giáo viên dạy lớp : 26, có 1 giáo viên hợp đồng
 - Số lớp 13, số học sinh 415
2. Tình hình chất lượng đội ngũ.
 - CBQL: 3/3 Đại học
 - Giáo viên : 100% đạt chuẩn, 01 trên chuẩn.
3. Tình hình đầu tư duy tu, sửa chữa, xây mới của nhà trường năm học 2023-2024:
Tất cả từ nguồn ngân sách và nguồn học phí (có bảng đính kèm)

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 03 CÔNG KHAI CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2023 -2024

1. Kết quả

1.1. Việc thực hiện biểu mẫu về cam kết chất lượng giáo dục của nhà trường.
Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh cũng như xã hội, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt cho học sinh ở trường;



(Đính kèm Biểu mẫu 09 của BGDDĐT).

1.2. Việc thực hiện biểu mẫu về công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường.

(Đính kèm Biểu mẫu 10 của BGDDĐT).

1.3. Việc thực hiện biểu mẫu về công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường.

Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; Số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp đã được nhà trường công khai đầy đủ trước đội ngũ GV, CNV nhà trường và cha mẹ học sinh.

(Đính kèm biểu mẫu 11 của BGDDĐT).

1.4. Việc thực hiện về công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên nhà trường.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phân công, công khai rõ ràng trong Hội đồng sư phạm, có niêm yết bảng phân công.

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo.

(Đính kèm Biểu mẫu 12 của BGDDĐT).

1.5. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện công tác công khai tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách, ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.
- Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.
- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.
- Công khai danh sách học sinh được nhận các loại chế độ của nhà nước năm học 2023 – 2024.

2. Đánh giá, nhận xét chung tình hình thực hiện 03 công khai của trường (hình thức, nội dung, chất lượng thông tin công khai? Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công khai?)

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các nội dung công khai của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT đối với trường THPT đó là các biểu mẫu số: 09, 10, 11, 12. Qua đây giúp cho phụ huynh biết được chất lượng giáo dục, tình hình cơ sở vật chất của nhà trường đồng thời góp phần tạo niềm tin trong công tác giáo dục của trường.

Vào đầu tháng 9/2023 đã công khai cam kết chất lượng giáo dục; công khai thông tin cơ sở vật chất; công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục và công khai thông tin chất lượng giáo dục vào cuối tháng 7 năm 2024. (Biểu mẫu 12).

- Công khai chất lượng và các điều kiện giáo dục:

Nhà trường đã niêm yết tại website của trường, dán bảng công khai đảm bảo thuận tiện cho cán bộ giáo viên và cha mẹ học sinh xem xét. Đồng thời với việc phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh.

- Công khai tài chính:

Niêm yết tại bảng công khai, thường xuyên công khai việc thu, chi tài chính trong nhà trường, qua hội đồng sư phạm nhà trường.

Công bố tại hội nghị viên chức hàng năm. Cơ sở vật chất trường đáp ứng được yêu cầu công tác công khai.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai và thực hiện các nội dung công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Trường THPT Âu Cơ trong năm học 2023-2024.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- CBGVNV trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Nghĩa





SỞ GD&ĐT TỈNH QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT ÂU CƠ

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường THPT Âu Cơ
năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	-Đảm bảo đúng quy định phân tuyến của Sở GD&ĐT, UBND tỉnh Quảng Nam và điều kiện cơ sở vật chất nhà trường (tuyển 80% số học sinh THCS trúng tuyển)	Đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ GD&ĐT	Đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ GD&ĐT
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo, Sở GD&ĐT Quảng Nam		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Học sinh tham gia hoạt động Đoàn, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào VHVN-TDĐT. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quan môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, Hội khỏe Phù đồng, ...).		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học	- Hạnh kiểm học sinh: đạt 99% TB trở lên; Học tập:		

	tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	phần đầu trên 95% lên lớp thẳng. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh. - Đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với học sinh.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Duy trì sĩ số ổn định. - Tỷ lệ lên lớp thẳng trên 95%.

Đông Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Nghĩa

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của
trường THPT Âu Cơ năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	355 85,54%	118 82,52%	118 81,38%	119 93,70%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	48 11,57%	20 13,99%	21 14,28%	7 5,51%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	12 2,89%	5 3,50%	6 4,14%	1 0,79%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	53 12,77%	11 7,69%	19 13,10%	23 18,11%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	192 46,27%	61 42,66%	59 40,69%	72 56,69%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	164 39,51%	67 46,85%	65 44,83%	32 25,20%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	6 1,45 %	4 2,80%	2 1,38%	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	415	143	145	127	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	409 98,55%	139 97,20%	143 98,62%	127 100%	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	53 12,77%	11 7,69%	19 13,10%	23 18,11%	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	192 46,27%	61 42,66%	59 40,69%	72 56,69%	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	6 1,45%	4 2,80%	2 1,38%	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi	0	0	0	0	

	(tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	8	3	3	2	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	06			06	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	127				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	127				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	15 11,82%				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	112 88,18%				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	35			35	
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	25			25	
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	200/215	65/78	60/95	65/62	
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	325	120	85	120	

Đông Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Nghĩa

SỞ GD&ĐT TỈNH QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT ÂU CƠ

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THPT Âu Cơ
năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	10	1,36 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	10	1,36m ²
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	4	1.46m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	3.04m ²
7	Bình quân lớp/phòng học	2/1	1.94m ²
8	Bình quân học sinh/lớp	33/1	1.94m ²
III	Số điểm trường	1	18.7m ²
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	21.997m ²	18.7m ²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	14.264m ²	13.23m ²
VI	Tổng diện tích các phòng	7.736.8m ²	7.17m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.400m ²	1.3m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	855m ²	0.72m ²
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	123.1m ²	0.11m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	260m ²	0.24m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (VP, TB) (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	4.284m ²	3.97m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	3	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	1 bộ các môn	0.33
2	Khối lớp 11	1 bộ các môn	0.25
3	Khối lớp 12	1 bộ các môn	0.25
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
		42	1
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết

			bị/lớp
1	Ti vi	9	
2	Cát sét	03	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác: Máy tính VP, TVTB	13	
..	Laptop	3	
	Máy chiếu	2	
	Pho to	1	
	Máy in	8	
	Nhạc cụ		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	80
XI	Nhà ăn	150

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	25		
XIII	Khu nội trú	25		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2 (138.24m ²)		2 phòng(449.3m ²)		0.4m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	Nội dung			Có	Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			x		
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)			x		
XVII	Kết nối internet (ADSL)			x		
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường			x		
XIX	Tường rào xây			x		

Đông Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Nghĩa

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường THPT Âu Cơ năm học 2023 -2024

[illegible]

9	Bí thư Đoàn	1			1					1				
10	Giám thị	0												
11	Bảo vệ	2												
12	Phục vụ	1												

Đông Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature]
Trần Văn Nghĩa